

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM (PV OIL)

Tên đơn vị: Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP (PETEC)

Mã đơn vị: PV.34.00

Kỳ kế toán:

Tháng	9	2017
-------	---	------

CÁC THÔNG TIN PHỤC VỤ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CỦA TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM

Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017

(Số liệu trước kiểm toán)

Ngày tháng 10 năm 2017

Người lập biểu

Khuu Kim Huê

Kế toán trưởng

Bùi Minh Hiệp

Tổng Giám đốc



Huỳnh Đức Trường

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP (PETEC)

Giới thiệu về Công ty

Tên giao dịch Tiếng Việt

Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - công ty CP

Tên giao dịch Tiếng Anh

PETEC Trading and Investment Corporation

Trụ sở chính

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3, TPHCM

Điện thoại

39303633 - 39303299

Fax:

39305686 - 39305991

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Số

Số 0300649476

Ngày ban hành

14/06/2014

Cơ quan ban hành

Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM

Mã số thuế

Số

0300649476

Lĩnh vực hoạt động

Xuất nhập khẩu xăng dầu và các sản phẩm cây công nghiệp; kinh doanh thương mại và dịch vụ tổng hợp

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc(*)

Chi nhánh Cty TM kỹ thuật và đầu tư PETEC tại Đà Nẵng
Chi nhánh Cty TM kỹ thuật và đầu tư PETEC tại Hà Nội
Chi nhánh Cty TM kỹ thuật và đầu tư PETEC tại Hải Phòng
Chi nhánh Cty TM kỹ thuật và đầu tư PETEC tại Long An
Chi nhánh Cty TM kỹ thuật và đầu tư PETEC tại Vũng Tàu
Chi nhánh Cty TM kỹ thuật và đầu tư PETEC tại Bình Thuận
Chi nhánh Cty TM kỹ thuật và đầu tư PETEC tại Cà Mau
Chi nhánh Cty TM kỹ thuật và đầu tư PETEC tại Bình Định
Chi nhánh Cty TM kỹ thuật và đầu tư PETEC tại Thanh Hóa
Chi nhánh Cty TM kỹ thuật và đầu tư PETEC tại Cần Thơ
Chi nhánh Cty TM kỹ thuật và đầu tư PETEC tại Ninh Thuận
Chi nhánh Cty TM kỹ thuật và đầu tư PETEC tại Tây Ninh
Chi nhánh Cty TM kỹ thuật và đầu tư PETEC tại Hậu Giang
Chi nhánh Cty TM kỹ thuật và đầu tư PETEC tại Vĩnh Long
Chi nhánh Cty TM kỹ thuật và đầu tư PETEC tại Thái Bình
Chi nhánh Cty TM kỹ thuật và đầu tư PETEC tại Quảng Nam
Chi nhánh Cty TM kỹ thuật và đầu tư PETEC tại Quảng Trị
Chi nhánh Cty TM kỹ thuật và đầu tư PETEC tại Trà Vinh
Chi nhánh Cty TM kỹ thuật và đầu tư PETEC tại Thừa Thiên Huế
XN Xăng dầu Petec Cái Mép Cty TM KT & ĐT PETEC
XN Xăng dầu Petec An Hải Hải Phòng Cty TM KT & ĐT PETEC
XN Xăng dầu Petec Hòa Hiệp Đà Nẵng Cty TM KT & ĐT PETEC

Hình thức kế toán

Nhật ký chung

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30/09/2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	30/09/2017
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100	404.713.573.763
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	18.500.183.789
	1. Tiền	111	17.000.183.789
	2. Các khoản tương đương tiền	112	1.500.000.000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	-
	1. Đầu tư ngắn hạn	121	-
	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	308.301.795.744
	1. Phải thu khách hàng	131	723.617.113.674
	2. Trả trước cho người bán	132	5.386.517.471
	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-
	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	-
	5. Các khoản phải thu khác	135	218.837.694.204
	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	(639.539.529.605)
IV.	Hàng tồn kho	140	64.971.096.788
	1. Hàng tồn kho	141	64.971.096.788
	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150	12.940.497.442
	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	1.937.944.309
	2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	9.336.943.999
	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	1.522.093.964
	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157	-
	5. Tài sản ngắn hạn khác	158	143.515.170
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200	1.064.218.382.194
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210	2.526.000.000
	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	19.810.827.953
	2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212	-
	3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	-
	4. Phải thu dài hạn khác	218	-
	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	(17.284.827.953)
II.	Tài sản cố định	220	744.144.454.182
	1. Tài sản cố định hữu hình	221	381.264.021.433
	- Nguyên giá	222	696.032.938.436
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(314.768.917.003)
	2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	-
	- Nguyên giá	225	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế	226	-
	3. Tài sản cố định vô hình	227	302.027.077.270
	- Nguyên giá	228	310.939.727.048
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(8.912.649.778)
	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	60.853.355.479

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM

Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP (PETEC)

Mẫu số B 01 - DN

III. Bất động sản đầu tư	240	-
- Nguyên giá	241	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	55.050.408.787
1. Đầu tư vào công ty con	251	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	20.547.352.505
3. Đầu tư dài hạn khác	258	40.425.056.282
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	(5.922.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260	260.021.604.099
1. Chi phí tìm kiếm, thăm dò	265	-
2. Chi phí phát triển mỏ	266	-
3. Chi phí trả trước dài hạn	261	260.021.604.099
4. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	-
5. Tài sản dài hạn khác	268	-
VI. Lợi thế thương mại	269	2.475.915.126
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	1.468.931.955.957

NGUỒN VỐN		Mã số	30/09/2017
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		663.830.618.697
I. Nợ ngắn hạn	310		663.560.618.697
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		23.880.578.000
2. Phải trả người bán	312		551.917.558.992
3. Người mua trả tiền trước	313		19.104.621.555
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		60.903.027.397
5. Phải trả người lao động	315		6.601.095.904
6. Chi phí phải trả	316		-
7. Phải trả nội bộ	317		-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		1.083.377.905
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		70.358.944
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-
II. Nợ dài hạn	330		270.000.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-
3. Phải trả dài hạn khác	333		270.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334		-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-
10. Quỹ bình ổn giá xăng dầu	340		-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		800.417.520.297
I. Vốn chủ sở hữu	410		800.417.520.297
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2.488.774.701.456
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM

Mẫu số B 01 - DN

Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP (PETEC)

3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	(5.232.969.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	8.760.524.885
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(1.691.884.737.044)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-
1. Nguồn kinh phí	432	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433	-
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		
1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	439	4.683.816.963
		4.683.816.963
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440	1.468.931.955.957

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/09/2017
1. Tài sản thuê ngoài (giá trị còn lại)		-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (ĐVT: lít)		459.720.164.424
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-
5. Ngoại tệ các loại (chi tiết nguyên tệ)		
Đô la Mỹ (USD)		25.002,66
Đồng Euro (EUR)		327,51
Đô la Singapore (SGD)		363,84
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-

Người lập biểu


Khuu Kim Huê

Kế toán trưởng


Bùi Minh Hiệp

Ngày tháng 10 năm 2017

Tổng giám đốc



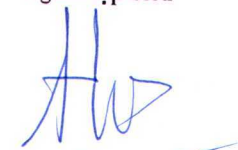

Huỳnh Đức Trường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (GIÁN TIẾP)
 9 tháng năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	9 tháng năm 2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(26.992.927.693)
2. Điều chỉnh cho các khoản		
- Khấu hao tài sản cố định	02	27.926.172.584
- Các khoản dự phòng	03	3.339.200.206
- (Lãi)/lỗ thanh lý tài sản cố định		-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.337.029.462)
- Chi phí lãi vay	06	736.184.409
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.671.600.044
- Tăng giảm các khoản phải thu	09	15.115.135.398
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	46.915.174.546
- Tăng giảm các khoản phải trả	11	(47.360.259.427)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	(6.241.296.823)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(735.969.024)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	9.364.384.714
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.658.532.498)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	234.974.181
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.366.159.832
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(57.398.485)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	130.260.356.875
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(144.370.327.288)
5. Tiền trả nợ thuê tài chính	35	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(14.109.970.413)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(4.802.984.184)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	23.303.167.973
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	18.500.183.789

Người lập biểu


 Khuu Kim Huệ

Kế toán trưởng


 Bùi Minh Hiệp

Ngày tháng 10 năm 2017
 Tổng giám đốc




 Huỳnh Đức Trường

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM

Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP (PETEC)

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH

Chỉ tiêu	Phải nộp tại đầu kỳ	Lũy kế từ đầu năm tới cuối kỳ này		Phải nộp tại cuối kỳ	Đơn vị tính: VND
		Số phải nộp	Số đã nộp		
Thuế	70.441.563.103	540.942.978.057	552.003.607.727	59.380.933.433	
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.549.769.225	45.237.577.674	44.865.185.131	4.922.161.768	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	87.925.129	87.925.129	-	
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-	
Thuế xuất, nhập khẩu	-	128.977.175	128.977.175	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.522.093.964)	-	-	(1.522.093.964)	
Thu trên vốn	-	-	-	-	
Thuế TNCN	219.134.142	322.057.468	524.972.431	16.219.179	
Thuế tài nguyên	-	-	-	-	
Thuế nhà đất	-	3.038.813.361	3.038.813.361	-	
Thuế môn bài	-	8.000.000	8.000.000	-	
Các loại thuế khác	67.194.753.700	492.119.627.250	503.349.734.500	55.964.646.450	
Các khoản phải nộp khác					
Các khoản phụ thu	-	-	-	-	
Các khoản phí, lệ phí	-	-	-	-	
Lãi nước chủ nhà	-	-	-	-	
Hoa hồng đầu khí	-	-	-	-	
Tiền khí âm	-	-	-	-	
Phí môi trường	-	-	-	-	
Thu điều tiết	-	-	-	-	
Các khoản nộp phạt	-	-	-	-	
Các khoản khác	-	-	-	-	
Tổng cộng	70.441.563.103	540.942.978.057	552.003.607.727	59.380.933.433	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
9 tháng năm 2017

I - Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Đến thời điểm 30/09/2017 Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP có 3 công ty con:

- Công ty Cổ phần Cà phê;
- Công ty TNHH MTV Xăng dầu Anpha Vĩnh Long;
- Công ty Cổ phần Bất động sản và Kỹ thuật Xăng dầu.

Và 2 công ty liên kết (bao gồm đầu tư gián tiếp).

1.1 Công ty mẹ

- Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – Công ty cổ phần tiên thân là Công ty TNHH MTV Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư, là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước;
- Thực hiện quyết định số 1020/QĐ-DKVN ngày 07/02/2010 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc cổ phần hoá Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (PETEC). Ngày 29/12/2010, Tổng công ty đã đầu giá thành công 13.000.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 5% vốn điều lệ;
- Ngày 18/05/2011, Tổng công ty đã được Sở Kế hoạch và đầu tư Tp Hồ Chí Minh cấp “Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp”, vốn điều lệ là 2.600.000.000.000 đồng với cơ cấu vốn như sau:
 - + Tổng công ty Dầu Việt Nam: 94,78%
 - + Cán bộ công nhân viên: 0,72%
 - + Cổ đông khác: 4,51%
- Ngày 09/4/2013, Tập đoàn dầu khí Việt Nam (PVN) và Tổng công ty Dầu Việt Nam (PV Oil) ký hợp đồng chuyển quyền sở hữu cổ phần của Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP. Theo đó, PVN đồng ý chuyển nhượng 246.425.100 cổ phần cùng với toàn bộ quyền, lợi ích, nghĩa vụ và trách nhiệm của PVN tương ứng với tỷ lệ cổ phần chuyển nhượng trong PETEC cho PV OIL.

1.2 Các công ty con

- Công ty CP Cà phê PETEC

- + Địa chỉ: 194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Q.3
- + Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng.
- + Tỷ lệ lợi ích công ty mẹ: 58,75%
- + Tỷ lệ biểu quyết: 58,75%

- Công ty TNHH MTV Xăng dầu An Pha Vĩnh Long

- + Địa chỉ: Ấp Thanh Mỹ 2, Xã Thanh Đức, Huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long
- + Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng.
- + Tỷ lệ lợi ích công ty mẹ: 100%

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP (PETEC)

+ Tỷ lệ biểu quyết: 100%

- **Công ty CP Bất động sản và kỹ thuật xăng dầu Petecland (sở hữu gián tiếp) (*)**

+ Địa chỉ: 194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Q.3

+ Vốn điều lệ: 38.300.000.000 đồng.

+ Tỷ lệ lợi ích công ty mẹ: 30,71%

+ Tỷ lệ biểu quyết: 33,94%.

(*) Mặc dù tỷ lợi ích, biểu quyết của PETEC thấp hơn 50% nhưng theo điều lệ của Công ty CP Bất động sản và Kỹ thuật Xăng dầu (Petecland), PETEC có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Petecland thông qua việc có đa số thành viên trong Hội đồng Quản trị.

1.3 Các công ty liên kết

- **Công ty CP PETEC Bình Định**

+ Địa chỉ: 389 Trần Hưng Đạo, Tp. Quy Nhơn

+ Vốn điều lệ: 30.600.000.000 đồng.

+ Tỷ lệ lợi ích PETEC: 31,54%

+ Tỷ lệ biểu quyết: 31,54%

- **Công ty CP Kho vận PETEC**

+ Địa chỉ: 123 Đào Duy Anh, 9, Phú Nhuận, Hồ Chí Minh.

+ Vốn điều lệ: 71.925.500.000 đồng.

+ Tỷ lệ lợi ích PETEC: 31,5%

+ Tỷ lệ biểu quyết: 39,21%

2. Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh thương mại tổng hợp bao gồm xuất nhập khẩu xăng dầu, nội địa và thương mại tổng hợp.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh xăng dầu, bao gồm: xuất nhập khẩu đến 31/5/2013, tổ chức kênh bán buôn, bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm dầu mỏ khác;
- Xuất nhập khẩu thiết bị toàn bộ, máy móc và thiết bị lẻ, các loại vật tư, nguyên liệu, phân bón, phương tiện vận tải và các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu khác;
- Xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy, hải sản;
- Cung cấp các dịch vụ hàng hải (đại lý tàu biển, cung cấp nhiên liệu, thực phẩm và các dịch vụ khác);
- Các hoạt động liên doanh, liên kết: kho cảng, ngân hàng, bảo hiểm, cây xăng, kinh doanh bất động sản, xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp....

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:

- Ngày 31/5/2013, Bộ Công Thương đã ban hành công văn số 3548/QĐ-BCT thu hồi Giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu xăng dầu của Công ty. Theo đó, Công ty không còn là thương nhân đầu mối nhập khẩu xăng dầu theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 09 năm 2014 của chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM

Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP (PETEC)

- Ngày 01/11/2014 Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Cty TNHH MTV (PVOIL) và Tổng Công ty đã ký hợp đồng uỷ quyền số 01/PETEC-PVOIL/HDUQ-2014 theo đó PVOIL uỷ quyền cho Tổng Công ty thực hiện một phần chức năng đầu mối tiêu thụ các sản phẩm xăng, dầu trong khu vực thị trường được phân công.
- Ngày 03/09/2014 chính phủ ban hành Nghị định 83/2014/NĐ-CP thay thế Nghị định 84/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 về Kinh doanh xăng dầu.
- Ngày 30/06/2015 Hội đồng quản trị ban hành quyết định số 004204/QĐ-PTC bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Lịch giữ chức Phó Tổng giám đốc Tổng công ty.
- Ngày 25/08/2015 Hội đồng quản trị ban hành quyết định số 005605/QĐ-PTC chấm dứt hợp đồng lao động với ông Nguyễn Văn Lịch, Phó Tổng giám đốc Tổng công ty.
- Ngày 25/08/2015 Hội đồng quản trị ban hành quyết định số 005651/QĐ-PTC bổ nhiệm ông Hồ Công Danh giữ chức Phó Tổng giám đốc Tổng công ty.
- Ngày 31/12/2015 Hội đồng quản trị ban hành quyết định số 008682/QĐ-PTC bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Lịch giữ chức Phó Tổng giám đốc Tổng công ty.
- Ngày 14/06/2017 Hội đồng quản trị ban hành quyết định số 002732/QĐ-PTC bổ nhiệm ông Nguyễn Thanh Hải giữ chức Phó Tổng giám đốc Tổng công ty.

II - Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán: bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc ngày 31/12 cùng niên độ.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : Đồng Việt Nam.

III - Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng: Tổng công ty áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư số 200/2014/QĐ-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính cùng các thông tư và chuẩn mực kế toán Việt Nam đã ban hành, sửa đổi bổ sung.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Theo ý kiến của Tổng công ty, Báo cáo tài chính Hợp nhất 9 tháng năm 2017 (bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và bản thuyết minh báo cáo tài chính đính hợp nhất) của nhóm Tổng công ty PETEC đã được lập tuân thủ Chế độ kế toán Việt Nam, Chuẩn mực kế toán và các qui định có liên quan hiện hành. Các báo cáo đã thể hiện sự trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty vào ngày kết thúc kỳ.

3. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

*** Đầu tư vào công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con do Tổng công ty PETEC kiểm soát cho đến hết ngày 30/09/2017. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng công ty PETEC có khả năng kiểm

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP (PETEC)

soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty được đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này:

- Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính và theo các chính sách kế toán thống nhất với công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.
- Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong nhóm Tổng công ty PETEC được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.
- Lợi ích cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông công ty mẹ trên bảng cân đối kế toán hợp nhất; phần lợi nhuận hoặc lỗ của cổ đông thiểu số của công ty con trong kỳ báo cáo được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

*** Đầu tư vào công ty liên kết**

Đầu tư của Tổng công ty PETEC vào công ty liên kết được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là một đơn vị mà Tổng công ty PETEC có ảnh hưởng đáng kể và đơn vị đó không phải là một công ty con hay một liên doanh.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc cộng với giá trị thay đổi trong tài sản thuần của công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà nhóm Tổng công ty PETEC nắm giữ.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần kết quả hoạt động của công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà nhóm Tổng công ty PETEC nắm giữ. Khi có các khoản được ghi trực tiếp vào các tài khoản thuộc vốn chủ sở hữu của công ty liên kết, nhóm Tổng công ty PETEC ghi nhận phần tỷ lệ của mình khi thích hợp vào các tài khoản thuộc nguồn vốn chủ sở hữu tương ứng của nhóm Tổng công ty PETEC. Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch giữa nhóm Tổng công ty PETEC với công ty liên kết sẽ được loại trừ tương ứng với phần lợi ích trong công ty liên kết.

IV - Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

- Giữa ĐVN và USD chuyển đổi theo phương pháp trực tiếp. Tất cả các nghiệp vụ liên quan đến USD hạch toán ghi nhận ban đầu theo tỷ giá liên ngân hàng tại ngày giao dịch. Riêng nghiệp vụ mua bán USD hạch toán theo tỷ giá mua bán thực tế.
- Các ngoại tệ khác USD được quy đổi ra ĐVN theo tỷ giá tính chéo thông qua đồng USD với tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại hối quốc tế.

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM

Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP (PETEC)

- Hạch toán tỷ giá thực hiện theo Thông tư 200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán số 10 “ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Thực hiện theo chuẩn mực kế toán số 02 “hàng tồn kho”.

- Thực hiện theo chuẩn mực kế toán số 02 “hàng tồn kho”.
- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Đánh giá theo giá gốc, bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.
- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Giá trị thuần thực có thể thực hiện được.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: Đánh giá nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định thực hiện theo chuẩn mực kế toán số 03 “TSCĐ hữu hình” và chuẩn mực kế toán số 04 “TSCĐ vô hình”.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: Khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009).
- Tài sản cố định có nguyên giá nhỏ hơn 30.000.000 đồng được chuyển sang công cụ dụng cụ kể từ ngày 10/6/2013 theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.
- Tài sản cố định được đánh giá lại bắt đầu khấu hao theo giá trị mới từ sau ngày 18/05/2011.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư: Theo giá gốc, trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn và giá trị còn lại.
- Nguyên tắc và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư : như các TSCĐ khác của Công ty.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết: được ghi nhận và trình bày theo phương pháp giá gốc và chi tiết theo từng đơn vị đầu tư, thực hiện theo chuẩn mực kế toán số 07 "Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết" và chuẩn mực số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con".

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM

Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP (PETEC)

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn: không.
- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: được ghi nhận và trình bày theo phương pháp giá gốc và chi tiết theo từng đơn vị đầu tư.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn: Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường, có giá thị trường thấp hơn so với giá đang hạch toán trên sổ kế toán theo hướng dẫn tại thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.
- Khi nhận cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng thì chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh báo cáo tài chính, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận, không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính và không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư vào công ty cổ phần theo hướng dẫn tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ tài chính về việc “hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp”.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

- Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay: thực hiện theo chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay".
- Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

- Chi phí trả trước: Các chi phí trả trước liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.
- Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:
 - + Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
 - + Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn;
 - + Những khoản chi phí trả trước khác có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.
- Chi phí khác
- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.
- Lợi thế kinh doanh do đánh giá lại giá trị tài sản phục vụ công tác cổ phần hoá là 301.002.688.770 đ sẽ được phân bổ 10 năm kể từ ngày 19/05/2011.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM

Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP (PETEC)

phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng nợ phải trả thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu: vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn được cấp của Nhà nước và phần bổ sung từ phân phối lợi nhuận sau thuế.
- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản : không có.
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước (nếu có).
- Trên BCTC hợp nhất, phần vốn của công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của công ty con đã được loại trừ toàn bộ; cổ tức bằng cổ phần và cổ phần được thưởng (không phải góp thêm tiền hoặc tài sản) mà công ty mẹ nhận được từ công ty con được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng; doanh thu cung cấp dịch vụ; doanh thu hoạt động tài chính: việc ghi nhận được thực hiện tuân thủ phù hợp với chuẩn mực số 14 "Doanh thu và thu nhập khác".
- Doanh thu hợp đồng xây dựng: Không có

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm :

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại :

- Thực hiện theo chuẩn mực kế toán số 17 "Thuế thu nhập doanh nghiệp".
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

15. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái: không có.

16. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác: không có.

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP (PETEC)

	30/09/2017
	VND
TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	
Tiền mặt	1.461.828.593
Tiền gửi ngân hàng	15.538.355.196
Tiền đang chuyển	-
Các khoản tương đương tiền	1.500.000.000
Cộng	18.500.183.789
CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN	
Cổ phiếu	-
Trái phiếu	-
TG có kỳ hạn dưới 1 năm và trên 3 tháng	-
Đầu tư ngắn hạn vào các đơn vị	-
Ủy thác quản lý vốn	-
Khác	-
Cộng	-
CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ	
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.607.283.282.373
Chi phí nhân công	51.091.949.372
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.806.927.056
Chi phí khác (dịch vụ mua ngoài, bằng tiền khác, dự phòng, ..)	56.778.341.924
Cộng	2.742.960.500.725
HÀNG TỒN KHO	
Hàng mua đang đi đường	-
Nguyên liệu, vật liệu	2.000.897.724
Công cụ, dụng cụ	138.138.151
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-
Thành phẩm	-
Hàng hóa	62.832.060.913
Hàng gửi đi bán	-
Hàng hóa kho bảo thuế	-
Hàng hóa bất động sản	-
Khác	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	64.971.096.788
Trích thêm dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ:	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối kỳ	-
THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC	
Thuế	1.522.093.964
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.522.093.964
Thu trên vốn	-

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP (PETEC)

Thuế TNCN	-
Thuế tài nguyên	-
Thuế nhà đất	-
Thuế môn bài	-
Các loại thuế khác	-
Các khoản phải thu khác	-
Hoa hồng dầu khí	-
Tiền khí âm	-
Phí môi trường	-
Thu điều tiết	-
Các khoản nộp phạt	-
Các khoản khác	-
Cộng	1.522.093.964
TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-
Tạm ứng	-
Tài sản thừa thiếu chờ xử lý	143.515.170
Chênh lệch thu chi chưa xử lý	-
Tài sản ngắn hạn khác	-
Cộng	143.515.170
Chi tiết xây dựng cơ bản dở dang biến động trong kỳ	
Số đầu kỳ	74.890.716.259
<i>Xây lắp</i>	48.559.652.393
<i>Thiết bị</i>	-
<i>Khác</i>	26.331.063.866
Tăng trong kỳ	2.205.517.457
<i>Xây lắp</i>	-
<i>Thiết bị</i>	-
<i>Khác</i>	2.205.517.457
Đã quyết toán tăng tài sản cố định	5.629.936.338
<i>Xây lắp</i>	-
<i>Thiết bị</i>	-
<i>Khác</i>	5.629.936.338
Tạm tăng tài sản cố định	-
<i>Xây lắp</i>	-
<i>Thiết bị</i>	-
<i>Khác</i>	-
Giảm khác	10.612.941.899
<i>Xây lắp</i>	-
<i>Thiết bị</i>	-
<i>Khác</i>	10.612.941.899
Số cuối kỳ	60.853.355.479
<i>Xây lắp</i>	48.559.652.393
<i>Thiết bị</i>	-
<i>Khác</i>	12.293.703.086
ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC (TK 228)	

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP (PETEC)

Trái phiếu	-
Cổ phiếu	-
Cho vay, quản lý ủy thác vốn	-
Đầu tư vào các quỹ, các dự án khác	-
Góp vốn vào các đơn vị khác	40.425.056.282
Khác	-
Cộng	40.425.056.282
Thời hạn đáo hạn kể từ ngày mua	
Nhỏ hơn 1 năm	-
Từ 1-2 năm	-
Từ 2-5 năm	-
Lớn hơn 5 năm	40.425.056.282
Cộng	40.425.056.282

CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Phân loại theo bản chất khoản mục

Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	-
Chi phí sửa chữa bảo dưỡng chờ phân bổ	-
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-
Chi phí tìm kiếm, thăm dò và phát triển mỏ	-
Lợi thế kinh doanh	236.580.075.250
Khác	23.441.528.849
Cộng	260.021.604.099

Phân loại theo thời gian kể từ ngày kết thúc năm

Nhỏ hơn 1 năm	-
Từ 1-2 năm	25.997.123.276
Từ 2-5 năm	1.006.274.621
Lớn hơn 5 năm	233.018.206.202
Cộng	260.021.604.099

TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng

Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước

Khác

Cộng

THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế **60.903.027.397**

Thuế GTGT hàng bán nội địa 4.922.161.768

Thuế GTGT hàng nhập khẩu -

Thuế tiêu thụ đặc biệt -

Thuế xuất, nhập khẩu -

Thuế thu nhập doanh nghiệp -

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP (PETEC)

Thu trên vốn	-
Thuế TNCN	16.219.179
Thuế tài nguyên	-
Thuế nhà đất	-
Thuế môn bài	-
Các loại thuế khác	55.964.646.450
Các khoản phải nộp khác	-
Các khoản phụ thu	-
Các khoản phí, lệ phí	-
Lãi nước chủ nhà	-
Hoa hồng dầu khí	-
Tiền khí âm	-
Phí môi trường	-
Thu điều tiết	-
Các khoản nộp phạt	-
Các khoản khác	-
Cộng	60.903.027.397
CHI PHÍ PHẢI TRẢ	
Chi phí phải trả các hợp đồng dầu khí	-
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và xây lắp	-
Chi phí thu dọn mỏ	-
Chi phí lãi vay	-
Chi phí thuế phải trả	-
Chi phí phải trả khác	-
Cộng	-
VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN	
Vay ngắn hạn	23.880.578.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	-
Cộng	23.880.578.000
VAY VÀ NỢ DÀI HẠN	
Vay dài hạn	
Vay ngân hàng	-
Vay đối tượng khác	-
Trái phiếu phát hành	-
Cộng	-
Chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ	
Lãi vay hạch toán vào chi phí trong kỳ	736.184.409
Lãi vay hạch toán vào giá trị công trình trong kỳ	-
Cộng	736.184.409

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Dầu tư - CTCP (PETEC)

Chi tiết tiền gửi ngân hàng theo ngân hàng

Tên ngân hàng	Tiền gửi ngân hàng	Các khoản tương đương tiền	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	7.306.688.864	-	-	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.548.502.631	-	20.228.441.000	-
Ngân hàng Công thương Việt Nam	873.129.152	-	-	-
Ngân hàng TMCP Liên Việt	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Quân đội	964.562.127	-	-	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Đại Dương	424.042.243	-	-	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	1.459.374.186	1.500.000.000	-	-
Ngân hàng Thương mại CP Đại chúng Việt Nam (PVcomBank)	1.014.143	-	-	-
Ngân hàng TMCP Hàng hải	379.502.061	-	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn thương tín	661.424.441	-	-	-
Ngân hàng TMCP Đông Á	88.907.126	-	3.652.137.000	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	4.878.258	-	-	-
Ngân hàng HSBC Việt Nam	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Á Châu	116.515.400	-	-	-
Ngân hàng các Doanh nghiệp ngoài Quốc doanh	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu	635.366.066	-	-	-
Ngân hàng ANZ Việt Nam	6.270.401	-	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Nhà TPHCM	1.001.187	-	-	-
Đối tượng khác	1.067.176.910	-	-	-
Tổng cộng	15.538.355.196	1.500.000.000	23.880.578.000	-

Đơn vị tính: VND

CÔNG NỢ PHẢI THU THEO ĐỐI TƯỢNG

		VND
Tiền gửi ngân hàng		
- Ngân hàng Thương mại CP Đại chúng Việt Nam (PVcomBank)	Bản chất nghiệp vụ	
- Các đơn vị ngoài tập đoàn	Không chi tiết	1.014.143
Cộng	Không chi tiết	<u>15.537.341.053</u>
		<u>15.538.355.196</u>
Các khoản tương đương tiền		
- Ngân hàng Thương mại CP Đại chúng Việt Nam (PVcomBank)	Không chi tiết	-
- Các đơn vị ngoài tập đoàn	Không chi tiết	1.500.000.000
Cộng		<u>1.500.000.000</u>
Đầu tư ngắn hạn		
- Các đơn vị ngoài tập đoàn	TG có kỳ hạn dưới 1 năm và trên 3 tháng	
- Các đơn vị ngoài tập đoàn	Không chi tiết	
Cộng		-
Phải thu khách hàng		
- Công ty CP Thương mại - Du lịch - Xăng dầu Dầu khí Hà Giang	Không chi tiết	
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	Không chi tiết	214.636.419
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Nam Định	Không chi tiết	11.558.944.031
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ (tên cũ Đầu tư và Phát triển Dầu khí Phú Thọ)	Không chi tiết	73.454.930
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Quảng Ninh	Không chi tiết	
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí PVOil Hải Phòng	Không chi tiết	129.933.841
- Công ty CP Dầu khí Mê Kông (PVOil_Mekong)	Không chi tiết	
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	Không chi tiết	52.203.279
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	Không chi tiết	299.867.935
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	Không chi tiết	82.572.116
- Công ty CP Dầu nhờn PVOIL (tên cũ CP Hóa dầu Vidamo)	Không chi tiết	
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Nguyên	Không chi tiết	70.676.015
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	Không chi tiết	46.989.414
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Trà Vinh	Không chi tiết	30.200
- Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức (Timexco)	Không chi tiết	1.713.910.000
- Các đơn vị ngoài tập đoàn	Không chi tiết	709.373.895.494
Cộng		<u>723.617.113.674</u>
Trả trước cho người bán		
- Các đơn vị ngoài tập đoàn	Không chi tiết	5.386.517.471
Cộng		<u>5.386.517.471</u>
Phải thu nội bộ ngắn hạn		
- Các đơn vị ngoài tập đoàn	Không chi tiết	
Cộng		-
Các khoản phải thu khác		
- Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil)	Các khoản phải thu khác	
- Cơ quan Tập đoàn (CQTD)	Các khoản phải thu khác	169.785.513.359
- Cơ quan Tập đoàn (CQTD)	Các khoản phải thu khác	498.000.000
- Các đơn vị ngoài tập đoàn	Các khoản phải thu khác	48.554.180.845
Cộng		<u>218.837.694.204</u>
Phải thu dài hạn của khách hàng		
- Các đơn vị ngoài tập đoàn	Không chi tiết	19.810.827.953
Cộng		<u>19.810.827.953</u>
Phải thu dài hạn khác		
- Các đơn vị ngoài tập đoàn	Không chi tiết	
Cộng		-
Đầu tư dài hạn khác		
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Nam Định	Góp vốn vào các đơn vị khác	52.280.000
- Các đơn vị ngoài tập đoàn	Góp vốn vào các đơn vị khác	40.372.776.282
Cộng		<u>40.425.056.282</u>

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM

Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP (Petec)

TUỔI NỢ CỦA CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Số dư cuối kỳ này	Khả năng thu hồi	
	VND	Giá trị không thể thu hồi	Giá trị có thể thu hồi
I. PHẢI THU NGẮN HẠN	947.841.325.349	645.974.141.176	301.867.184.173
1 Phải thu khách hàng	723.617.113.674	627.756.650.450	95.860.463.224
Chưa đến hạn	70.485.615.053	-	70.485.615.053
Quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	1.330.000.000	-	1.330.000.000
Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	-	-	-
Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	-	-
Khó đòi (từ 3 năm trở lên)	651.801.498.621	627.756.650.450	24.044.848.171
2 Trả trước cho người bán	5.386.517.471	3.172.207.123	2.214.310.348
Chưa đến hạn	2.214.310.348	-	2.214.310.348
Quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	-	-	-
Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	-	-	-
Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	-	-
Khó đòi (từ 3 năm trở lên)	3.172.207.123	3.172.207.123	-
3 Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-	-
Chưa đến hạn	-	-	-
Quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	-	-	-
Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	-	-	-
Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	-	-
Khó đòi (từ 3 năm trở lên)	-	-	-
4 Các khoản phải thu khác	218.837.694.204	15.045.283.603	203.792.410.601
Chưa đến hạn	26.055.608.311	-	26.055.608.311
Quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	-	-	-
Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	-	-	-
Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	-	-
Khó đòi (từ 3 năm trở lên)	192.782.085.893	15.045.283.603	177.736.802.290
II. PHẢI THU DÀI HẠN	19.810.827.953	12.839.699.605	6.971.128.348
1 Phải thu dài hạn của khách hàng	19.810.827.953	12.839.699.605	6.971.128.348
Chưa đến hạn	-	-	-
Quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	-	-	-
Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	-	-	-
Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	-	-
Khó đòi (từ 3 năm trở lên)	19.810.827.953	12.839.699.605	6.971.128.348
2 Phải thu dài hạn khác	-	-	-
Chưa đến hạn	-	-	-
Quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	-	-	-
Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	-	-	-
Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	-	-
Khó đòi (từ 3 năm trở lên)	-	-	-
TỔNG CỘNG	967.652.153.302	658.813.840.781	308.838.312.521

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP (PETEC)

TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	P.tiền vận tải, t.bị truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tài sản khác	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
Số dư đầu kỳ	585.949.123.922	27.271.880.478	50.624.472.518	3.835.978.000	19.756.903.639	687.438.358.557
Tăng trong kỳ	5.215.954.310	2.642.381.778	1.207.039.091	203.735.000	-	9.269.110.179
Mua sắm mới	122.858.182	2.012.800.000	1.207.039.091	203.735.000	-	3.546.432.273
XDCB (tạm) bàn giao (tự làm)	5.000.354.560	629.581.778	-	-	-	5.629.936.338
XDCB (tạm) bàn giao (các Ban QLDA)	-	-	-	-	-	-
Cải tạo nâng cấp	-	-	-	-	-	-
Nhận từ các đơn vị khác thuộc Tập đoàn	-	-	-	-	-	-
Nhận từ đơn vị khác ngoài Tập đoàn	-	-	-	-	-	-
Điều chỉnh theo quyết toán	-	-	-	-	-	-
Phân loại lại	-	-	-	-	-	-
Nhận lại từ góp vốn liên doanh	-	-	-	-	-	-
Tặng khác	92.741.568	-	-	-	-	92.741.568
Giảm trong kỳ	84.310.468	-	590.219.832	-	-	674.530.300
Giảm do hợp nhất hoặc bàn giao cho các đơn vị kt	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Điều chỉnh theo quyết toán	-	-	590.219.832	-	-	590.219.832
Phân loại lại	-	-	-	-	-	-
Điều chỉnh và khác	84.310.468	-	-	-	-	84.310.468
Số dư cuối kỳ này	591.080.767.764	29.914.262.256	51.241.291.777	4.039.713.000	19.756.903.639	696.032.938.436
GIÁ TRỊ KHẤU HAO LŨY KẾ						
Số dư đầu kỳ	220.702.215.789	20.221.606.830	36.924.700.278	3.482.985.046	4.291.004.901	285.622.512.844
Tăng trong kỳ	23.011.785.067	1.343.860.939	2.107.768.118	162.307.289	2.896.866.018	29.522.587.431
Trích vào chi phí trong năm	23.011.785.067	1.343.860.939	2.092.311.199	162.307.289	13.302.270	26.623.566.764
Tặng (giảm) do đánh giá lại tài sản	-	-	-	-	-	-
Nhận từ các đơn vị khác thuộc Tập đoàn	-	-	-	-	-	-
Nhận từ đơn vị khác ngoài TD	-	-	-	-	-	-
Phân loại lại	-	-	-	-	-	-
Điều chỉnh và khác	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	15.456.919	376.183.272	376.183.272	-	2.883.563.748	2.899.020.667
Chuyển cho các đơn vị khác thuộc Tập đoàn	-	-	-	-	-	-
Giảm do hợp nhất hoặc bàn giao cho các đơn vị kt	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Phân loại lại	-	-	376.183.272	-	-	376.183.272
Điều chỉnh và khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	243.714.000.856	21.565.467.769	38.656.285.124	3.645.292.335	7.187.870.919	314.768.917.003
Giá trị còn lại tại ngày đầu kỳ	365.246.908.133	7.050.273.648	13.699.772.240	352.992.954	15.465.898.738	401.815.845.713
Giá trị còn lại tại ngày cuối kỳ	347.366.766.908	8.348.794.487	12.585.006.653	394.420.665	12.569.032.720	381.264.021.433
Nguyên giá tài sản có định đã hết khấu hao nhưng còn đang sử dụng	-	-	-	-	-	-

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP (PETEC)

TSCĐ VỐ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Bản quyền bằng sáng chế	Giấy phép và giấy phép nhượng quyền	Khác	Đơn vị tính: VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu kỳ	307.385.450.520	3.554.276.528	-	-	-	310.939.727.048
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
(Tạm) kết chuyển từ XDCB DD	-	-	-	-	-	-
Tăng (giảm) do hợp nhất hoặc nhận từ các đơn vị ngoài tập đoàn	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	307.385.450.520	3.554.276.528	-	-	-	310.939.727.048
HAO MÒN LUYỄN KẾ						
Số dư đầu kỳ	5.391.311.725	2.218.732.233	-	-	-	7.610.043.958
Tăng trong kỳ	1.065.294.342	237.311.478	-	-	-	1.302.605.820
Khấu hao trong năm	1.065.294.342	237.311.478	-	-	-	1.302.605.820
Tăng (giảm) do hợp nhất hoặc nhận từ các đơn vị ngoài tập đoàn	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	6.456.606.067	2.456.043.711	-	-	-	8.912.649.778
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư đầu kỳ	301.994.138.795	1.335.544.295	-	-	-	303.329.683.090
Số dư cuối kỳ này	300.928.844.453	1.098.232.817	-	-	-	302.027.077.270

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP (PETEC)

BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất	Nhà	Nhà và quyền sử dụng đất	Cơ sở hạ tầng	Đơn vị tính: VND
					Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu kỳ	-	-	-	-	-
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	-	-	-	-	-
HAO MÒN LUYỄN KẾ					
Số dư đầu kỳ	-	-	-	-	-
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	-	-	-	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	-	-	-	-	-

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP (PETEC)

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	Số dư cuối kỳ này	
	Số lượng	Giá trị
a. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	5.487.779	66.699.061.626
- Cty CP PETEC Bình Định	965.200	20.547.352.505
- Công ty CP Kho vận PETEC	2.020.000	-
b. Đầu tư dài hạn khác		
- Đầu tư cổ phiếu	2.374.095	40.425.056.282
Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam (Eximbank)	100.000	990.042.839
Công ty CP nhiên liệu Sài Gòn	199.386	4.736.610.000
Công ty CP Âu Lạc	1.304.481	26.482.144.914
Công ty CP Xăng Dầu và Chất đốt Đồng Nai	65.000	1.166.978.529
Công ty CP Vận tải Việt Tín	700.000	7.000.000.000
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Nam Định	5.228	49.280.000

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP (PETEC)

Phân loại theo đối tượng

		<u>30/09/2017</u>
	<u>Bản chất nghiệp vụ</u>	<u>VND</u>
Vay và nợ ngắn hạn		
- Các đơn vị ngoài tập đoàn	Vay ngắn hạn	23.880.578.000
Cộng		<u>23.880.578.000</u>
Phải trả người bán		
- Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil)	Không chi tiết	539.221.389.077
- Công ty CP Dầu khí Mê Kông (PVOil_Mekong)	Không chi tiết	32.211.288
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Phú Yên (tên cũ Công ty TNHH MTV ')	Không chi tiết	229.506.317
- Công ty CP Dầu nhờn PVOIL (tên cũ CP Hóa dầu Vidamo)	Không chi tiết	49.482.101
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	Không chi tiết	177.641.197
- Công ty CP Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam (tên cũ Công ty CP V	Không chi tiết	
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thừa Thiên - Huế	Không chi tiết	8.698.031
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	Không chi tiết	34.992.682
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Cái Lân (trước đây là Công ty CP Xăng	Không chi tiết	
- Các đơn vị ngoài tập đoàn	Không chi tiết	12.163.638.299
Cộng		<u>551.917.558.992</u>
Người mua trả tiền trước		
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu		278.286
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí PVOil Hải Phòng		4.199.426
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Nguyên		60.000
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình		57.510
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn		308.500
- Các đơn vị ngoài tập đoàn		19.099.717.833
Cộng		<u>19.104.621.555</u>
Các khoản phải trả, phải nộp khác		
- Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil)	Phải trả, phải nộp khác	
- Các đơn vị ngoài tập đoàn	Phải trả, phải nộp khác	1.083.377.905
Cộng		<u>1.083.377.905</u>
Cộng Phải trả dài hạn người bán		
- Các đơn vị ngoài tập đoàn	Không chi tiết	-
Cộng		-
Phải trả dài hạn khác		
- Các đơn vị ngoài tập đoàn	Không chi tiết	270.000.000
Cộng		<u>270.000.000</u>
Vay và nợ dài hạn		
- Các đơn vị ngoài tập đoàn	Vay ngân hàng	
- Các đơn vị ngoài tập đoàn	Vay đối tượng khác	
		-
Chi tiết tồn kho cuối kỳ mua bán trong Tập đoàn		
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Nam Định	Hàng hóa	-
- Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil)	Hàng hóa	
Cộng		-
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		
- Số đầu kỳ		(635.963.286.560)
- Số trích/(hoàn nhập) trong kỳ		(3.576.243.045)
- Số cuối kỳ		(639.539.529.605)
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		
- Số đầu kỳ		(17.431.827.953)
- Số trích/(hoàn nhập) trong kỳ		147.000.000
- Số cuối kỳ		(17.284.827.953)

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM**Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP (PETEC)****BÁO CÁO PHÂN TÍCH TUỔI NỢ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ**

	Số dư cuối kỳ này	Khả năng trả nợ
	Đơn vị tính: VND	Đơn vị tính: VND
I. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN		
1 Vay và nợ ngắn hạn	23.880.578.000	23.880.578.000
<i>Trong hạn dưới 1 năm</i>	23.880.578.000	23.880.578.000
<i>Quá hạn trả</i>	-	-
2 Phải trả người bán	551.917.558.992	551.917.558.992
<i>Trong hạn dưới 1 năm</i>	551.917.558.992	551.917.558.992
<i>Quá hạn trả</i>	-	-
3 Người mua trả tiền trước	19.104.621.555	19.104.621.555
<i>Trong hạn dưới 1 năm</i>	19.104.621.555	19.104.621.555
<i>Quá hạn trả</i>	-	-
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	60.903.027.397	60.903.027.397
<i>Trong hạn dưới 1 năm</i>	60.900.614.797	60.900.614.797
<i>Quá hạn trả</i>	2.412.600	2.412.600
5 Phải trả người lao động	6.601.095.904	6.601.095.904
<i>Trong hạn dưới 1 năm</i>	6.601.095.904	6.601.095.904
<i>Quá hạn trả</i>	-	-
6 Chi phí phải trả	-	-
<i>Trong hạn dưới 1 năm</i>	-	-
<i>Quá hạn trả</i>	-	-
7 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.083.377.905	1.083.377.905
<i>Trong hạn dưới 1 năm</i>	1.083.377.905	1.083.377.905
<i>Quá hạn trả</i>	-	-
II. PHẢI TRẢ DÀI HẠN		
1 Phải trả dài hạn người bán	-	-
<i>Trong hạn trên 1 năm đến 2 năm</i>	-	-
<i>Trong hạn trên 2 năm đến 3 năm</i>	-	-
<i>Trong hạn trên 3 năm</i>	-	-
2 Phải trả dài hạn khác	270.000.000	270.000.000
<i>Trong hạn trên 1 năm đến 2 năm</i>	270.000.000	270.000.000
<i>Trong hạn trên 2 năm đến 3 năm</i>	-	-
<i>Trong hạn trên 3 năm</i>	-	-
3 Vay và nợ dài hạn	-	-
<i>Trong hạn trên 1 năm đến 2 năm</i>	-	-
<i>Trong hạn trên 2 năm đến 3 năm</i>	-	-
<i>Trong hạn trên 3 năm</i>	-	-
TỔNG CỘNG	663.760.259.753	663.760.259.753

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP (PETEC)

VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu kỳ	2.488.774.701.456	(5.232.969.000)	-	-	8.760.524.885	-	(1.664.832.076.440)	-	827.470.180.901
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	(26.992.927.693)	-	(26.992.927.693)
Ngân sách cấp	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phát hành cổ phiếu tăng vốn, nhận thêm vốn góp trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Nhận tài sản từ các đơn vị ngoài Tập đoàn	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tặng (giảm) do chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Điều chỉnh hối tố	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân loại lại giữa các nguồn vốn	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	(26.992.927.693)	-	(26.992.927.693)
Trích từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Điều chỉnh và khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Bán giao cho các đơn vị khác trong Tập đoàn	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Kết chuyển công trình hoàn thành	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi tiêu theo quy định	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức, phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích các quỹ trong biểu vốn	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Điều chỉnh do biến động lợi ích cổ đông thiểu số trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích các quỹ ngoài biểu vốn	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Điều chỉnh và khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	2.488.774.701.456	(5.232.969.000)	-	-	8.760.524.885	-	(1.691.884.737.044)	-	800.417.520.297
									59.732.911
									59.732.911

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM**Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP (PETEC)**

	30/09/2017
	VND
XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG (TK241)	
- Xây dựng cơ bản dở dang	60.853.355.479
- Khác	-
Cộng	60.853.355.479
CHI TIẾT XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG THEO CÔNG TRÌNH	
+ Kho cảng xăng dầu Cái Mép (gđ2)	56.164.171.321
+ Khu đất đầm bà tài	820.562.061
+ Tích hợp QLHH CHXD	200.000.000
+ Công trình BQL 6439	-
+ Tự động hoá xuất hàng Xí nghiệp Hoà Hiệp	110.000.000
+ Sửa chữa kho An Hải + kho Phú Định + Cái Mép	185.894.825
+ Mua sắm CHXD	3.372.727.272
Cộng	60.853.355.479
CHI TIẾT VỐN ĐIỀU LỆ THEO CỔ ĐÔNG	
- Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil)	2.353.025.701.456
- Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức (Timexco)	1.993.510.000
- Công ty CP Thương nghiệp Bạc Liêu	200.000.000
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	3.388.970.000
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	2.790.920.000
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	3.787.680.000
- Các đơn vị khác ngoài tập đoàn	123.587.920.000
Tổng	2.488.774.701.456
CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC THEO ĐẶC THÙ CỦA TỪNG ĐƠN VỊ	
+ Phải thu về cổ phần hóa	498.000.000
+ Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	4.478.000.000
+ Phải thu người lao động	-
+ Ký cược, ký quỹ	76.500.000
+ Tập đoàn dầu khí Việt Nam (lỗ lũy kế trước CPH)	169.785.513.359
+ Trung Tâm XD Hạ Tầng Khu CN Thốt Nốt	7.951.288.931
+ CTy CP Dịch vụ Cảng Đồng Nai	3.482.934.400
+ Phải thu Cty TNHH TMDV Trâm Cường/BIDV (HĐ ủy thác vốn)	6.501.840.000
+ Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược tại BIDV	12.535.000.000
+ Phải thu khác	13.528.617.514
Tổng	218.837.694.204

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM**Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP (PETEC)**

	9 tháng năm 2017
	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	
Dịch vụ thương mại (Xăng dầu):	2.688.493.397.549
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Nguyên	1.505.400.000
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Bạc Liêu	4.635.840.000
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Nam Định	10.227.000.000
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	20.195.500.000
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	47.435.710.396
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí PVOil Hải Phòng	42.576.126.985
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	2.292.800.000
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	14.204.194.190
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	32.430.265.000
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Phú Yên (tên cũ Công ty TNHH MTV Vật tư tổng hợp)	1.402.066.000
- Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức (Timexco)	30.958.800.000
- Các đơn vị ngoài tập đoàn	2.480.629.694.978
Dịch vụ thương mại (Khác):	331.882.874.433
- Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil)	6.808.218.774
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Nguyên	912.149.947
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ (tên cũ Đầu tư và Phát triển Dịch vụ Dầu)	109.192.987
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	636.879.346
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	837.267.113
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Nam Định	1.435.079.047
- Công ty CP Dầu nhờn PVOIL (tên cũ CP Hóa dầu Vidamo)	791.650
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	380.649.918
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Quảng Ninh	25.806.442
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí PVOil Hải Phòng	818.894.573
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	1.827.263.823
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	150.021.681
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	5.060.875
- Công ty CP Thương mại - Du lịch - Xăng dầu Dầu khí Hà Giang	14.105.807
- Các đơn vị ngoài tập đoàn	317.921.492.450
Hoạt động khác (Bất động sản, nhân lực, dịch vụ bảo vệ, khác):	582.411.294
- Các đơn vị ngoài tập đoàn	582.411.294
Cộng	3.020.958.683.276
Các khoản giảm trừ doanh thu:	
Hoạt động khác (Bất động sản, nhân lực, dịch vụ bảo vệ, khác):	
Cộng	
Giá vốn hàng bán	
Dịch vụ thương mại (Xăng dầu)	2.622.984.772.634
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Nam Định	10.033.250.324
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Nguyên	1.421.626.361
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	19.809.342.203

- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Bạc Liêu	4.414.630.142
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	2.355.067.057
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	14.158.832.228
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	46.913.581.013
- Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức (Timexco)	30.372.582.424
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí PVOil Hải Phòng	38.975.206.518
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	31.923.176.962
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Phú Yên (tên cũ Công ty TNHH MTV Vật tư tổng hợp)	1.372.682.166
- Các đơn vị ngoài tập đoàn	2.421.234.795.235
Dịch vụ thương mại (Khác)	274.777.915.278
Hoạt động khác	575.168.971
Cộng	<u>2.898.337.856.883</u>
Chi phí bán hàng	
Lương nhân viên bán hàng	35.506.393.287
BHXH, BHYT, KPCĐ bán hàng	4.256.099.392
Chi phí vật liệu bán hàng	2.067.895.703
Chi phí dụng cụ, đồ dùng bán hàng	2.644.014.914
Chi phí khấu hao TSCĐ bán hàng	26.587.722.039
Chi phí vận chuyển	5.368.228.759
- Công ty CP Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam (tên cũ Công ty CP Vận tải Xăng dầu)	1.246.977.934
Chi phí sửa chữa thường xuyên bán hàng	3.765.261.106
Chi phí bán hàng khác	38.943.769.107
- Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil)	4.288.807.568
- Công ty CP Dầu khí Mê Kông (PVOil_Mekong)	134.720.477
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thừa Thiên - Huế	10.844.270
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Phú Yên (tên cũ Công ty TNHH MTV Vật tư tổng hợp)	998.039.068
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	56.724.730
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	700.967.027
Cộng	<u>119.139.384.307</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	
Lương nhân viên quản lý	10.263.683.704
BHXH, BHYT, KPCĐ quản lý	1.189.830.358
Chi phí vật liệu văn phòng	249.231.546
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	587.957.032
Chi phí khấu hao TSCĐ quản lý	1.246.235.810
Thuế và lệ phí	3.383.493.152
Dịch vụ mua ngoài	2.557.469.666
Các khoản dự phòng	3.576.243.045
Chi phí quản lý khác	10.110.618.310
Cộng	<u>33.164.762.623</u>

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM**Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP (PETEC)**

9 tháng năm 2017

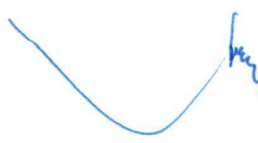
	VND
Doanh thu hoạt động tài chính	
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	677.396.167
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	
Lãi chênh lệch tỉ giá đã thực hiện	963.333.063
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.873.100.600
Lãi chênh lệch tỉ giá đã thực hiện	
Khác	
Cộng	3.513.829.830
Chi phí hoạt động tài chính	
Lãi tiền vay	736.184.409
Lỗ chênh lệch tỉ giá đã thực hiện	900.296.574
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	
Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(90.042.839)
Chi phí tài chính khác	267.607.158
- Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil)	185.746.370
- Các đơn vị ngoài tập đoàn	81.860.788
Cộng	1.814.045.302
Thu nhập khác	
Tiền được bồi thường	12.210.181
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ, BĐS đầu tư	11.208.895
Thu nhập khác	165.300.000
Cộng	188.719.076
Chi phí khác	
Các khoản tiền phạt	87.090.217
Chi thanh lý tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-
Chi phí khác	13.902
Cộng	87.104.119

Người lập biểu



Khuru Kim Huê

Kế toán trưởng



Bùi Minh Hiệp

Ngày tháng 10 năm 2017

Tổng giám đốc




Huỳnh Đức Trường